

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269 /2022/DS-PT

Ngày 10 - 11 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài
sản và góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2022/TLPT-DS ngày 03/10/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2022/QĐ-PT ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1945;

Địa chỉ: ấp GC, xã Long H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Trần Quang V, sinh năm: 1984 (Có mặt) (Theo Giấy uỷ quyền ngày 30/5/2022).

Địa chỉ: ấp GM, xã Bình A, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (Xin vắng mặt);

2. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1968 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp CM, xã Long H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Hồ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, anh Trần Quang V - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do quen biết nên vợ chồng ông T, bà H có vay của bà N làm nhiều lần cụ thể:

Ngày 19/9/2020 âm lịch vay 10.000.000 đồng, lãi 2%/tháng, thời hạn trả là 3 tháng tính từ khi vay. Quá trình thực hiện vợ chồng bà H chưa trả vốn, lãi thì trả được 09 tháng.

Ngày 10/6/2020 âm lịch vay 170.000.000 đồng, lãi 2%/tháng, thời hạn trả là tháng 12/2020 âm lịch. Quá trình thực hiện bị đơn chưa trả vốn và trả được 03 tháng tiền lãi.

Ngày 09/10/2020 âm lịch vay tiếp 30.000.000 đồng lãi 2%/tháng, thời hạn trả là 09/01/2021 âm lịch. Quá trình thực hiện bị đơn chưa trả vốn và có trả 03 tháng tiền lãi.

Các giao dịch có làm giấy tờ biên nhận, có vợ chồng bà H ký tên. Mục đích vay là vợ chồng chị H làm ăn. Quá trình thực hiện bị đơn chưa trả vốn là 210.000.000 đồng và lãi phát sinh từ tháng 01/2021 âm lịch (riêng lãi số tiền vay 10.000.000 đồng tính từ tháng 06/2021 âm lịch) cho đến ngày xét xử (tạm tính đến ngày nộp đơn là 41.002.000 đồng)

Ngoài ra ông T, bà H còn tham gia của bà N các dây hụi sau:

- Dây hụi khai ngày 20/9/2019 âm lịch (hụi mãn ngày 20/4/2021 âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng/phần, có 21 phần. Bà H và ông T tham gia 01 phần và hốt ở kỳ thứ 02, bà N giao tiền đầy đủ. Ông T, bà H còn nợ lại 03 kỳ hụi chết là 6.000.000 đồng. Hụi tiến hành đến mãn.

- 03 dây hụi khai ngày 25/01/2020 âm lịch (hụi mãn ngày 25/02/2021 âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng/phần, có 15 phần. Bà H và ông T tham gia mỗi dây 01 phần và đều hốt ở kỳ thứ 01, bà N giao tiền đầy đủ. Ông T, bà H đóng còn nợ lại mỗi dây 01 kỳ hụi chết là 3.000.000 đồng. Hụi tiến hành đến mãn.

- 03 dây hụi khai ngày 30/02/2020 âm lịch (hụi mãn ngày 30/3/2021 âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng/phần, có 15 phần. Bà H và ông T tham gia mỗi dây 01 phần và đều hốt ở kỳ thứ 02, bà N giao tiền đầy đủ. Ông T, bà H đóng còn nợ lại mỗi dây 02 kỳ hụi chết là 12.000.000 đồng. Hụi tiến hành đến mãn.

- Dây hụi khai ngày 04/5/2020 âm lịch (mãn ngày 04/12/2021 âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng/phần, có 20 phần. Bà H và ông T tham gia 02 phần và hốt ở kỳ thứ 02, bà N giao tiền đầy đủ. Ông T, bà H đóng còn nợ lại 8,5 kỳ hụi chết là 34.000.000 đồng. Hụi tiến hành đến mãn.

Tổng cộng vợ chồng H, T còn nợ tiền hụi là 55.000.000 đồng.

Ngày 16/4/2021 bà H, ông T đã trả cho bà N 5.000.000 đồng nên còn nợ lại là 50.000.000 đồng.

Nay bà N yêu cầu bị đơn thực hiện trả 02 khoản vay và hui ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Hồ Thị H trình bày:

Do quen biết nên bà có mượn tiền của bà N làm nhiều lần (01 lần bà N đưa 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng ...) với tổng số tiền gốc là 160.000.000 đồng. Mục đích mượn tiền là để đóng hui do bà N làm thảo.

Bà H vay mỗi tháng đóng lãi 16.000.000 đồng, bà đóng lãi đầy đủ từ năm 2019 đến tháng 4/2021 là ngưng do dịch bệnh khó khăn.

Bà N kiện bà trả nợ vay 210.000.000 đồng và lãi bà không đồng ý, bà chỉ nợ tiền vay là 160.000.000 đồng và lãi tổng cộng là 50.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 210.000.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng do hoàn cảnh quá khó khăn. Bà có trả trước cho bà N được 5.000.000 đồng.

Còn tiền hui thì tự bà N cho bà vào đây hui để đóng lãi cho tiền vay, (tiền xoay vòng vòng mượn tiền đóng hui, chơi hui đóng lãi chứ thật sự bà không có cầm tiền hui của bà N giao), tự bà N cần trừ qua lại như thế nào bà không biết, bà không có nhận tiền giao hui của bà N.

Nay bà H chỉ đồng ý trả tổng cộng gốc và lãi là 205.000.000 đồng là hết nợ, xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Việc vay mượn tiền và chơi hui của vợ ông là bà H ông không biết gì nên không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà N tổng cộng 301.002.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn T phải chịu 15.050.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 25/7/2022, bà Hồ Thị H có đơn kháng cáo xác định chỉ nợ bà Nguyễn Thị N tiền gốc và lãi là 205.000.000 đồng và về hui thì bà không biết, bà N không có giao tiền hui cho bà. Bà H kháng cáo đồng ý trả cho bà N 205.000.000 đồng, nhưng xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, vì hoàn cảnh quá khó khăn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Hồ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có bổ sung xin trả được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng.

- Anh Trần Quang V – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà H cho rằng chỉ nợ bà N tiền vay gốc và lãi 205.000.000 đồng, không biết tiền hui và không có giao nhận tiền hui với bà N; nhưng bà H lại thừa nhận có ký tên trong các biên nhận nợ và giấy hợp đồng góp hui do bà N cung cấp. Bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không được đại diện theo ủy quyền của bà N chấp nhận. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt (Bút lục 32). Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị H; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với khoản tiền vay:

Bà Hồ Thị H cho rằng: chỉ vay của bà N số tiền vốn là 160.000.000 đồng và nợ tiền lãi là 50.000.000 đồng; bà đã trả tiền lãi cho bà N mỗi tháng 16.000.000 đồng từ năm 2019 đến tháng 4/2021 thì ngưng do dịch bệnh làm ăn khó khăn; và bà có trả cho bà N 5.000.000 đồng tiền vốn, cho nên bà chỉ đồng ý trả cho bà N cả vốn và lãi tổng cộng là 205.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000

đồng cho đến khi hết nợ (Bút lục 34). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ số tiền 205.000.000 đồng.

Xét thấy: Bà H thừa nhận có ký tên trong các biên nhận mượn tiền do bà N cung cấp (Bút lục 79, 74, 34) gồm: Biên nhận ngày 19/9/2020 (Bút lục 62) thể hiện bà H có mượn số tiền 10.000.000 đồng, Biên nhận ngày mùng 9 tháng 10 năm 2020 (Bút lục 61) thể hiện bà H có mượn số tiền 30.000.000 đồng, Biên nhận ngày 10/6/2020 (Bút lục 60) thể hiện bà H, ông T có mượn số tiền 170.000.000 đồng. Bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh chỉ vay của bà N số tiền vốn gốc 160.000.000 đồng và nợ tiền lãi 50.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định bà H có vay của bà N số tiền vốn gốc 210.000.000 đồng. Bà H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền lãi từ năm 2019 đến tháng 4/2021 mỗi tháng trả 16.000.000 đồng; bà N và đại diện theo ủy quyền của bà N không thừa nhận có nhận tiền lãi như bà H trình bày.

[2.2] Đối với tiền hụi:

Bà H không thừa nhận có chơi hụi mà cho rằng bà N cho bà vào dây hụi để đóng lãi cho tiền vay (tiền xoay vòng vòng mượn tiền đóng hụi, chơi hụi đóng lãi) chứ thật sự không có cầm tiền của bà N giao; nên bà H không đồng ý trả cho bà N tiền hụi 50.000.000 đồng.

Xét thấy: Bà H thừa nhận có ký tên các giấy ghi hụi và giấy hợp đồng góp hụi (Bút lục 55 đến 58) do bà N cung cấp và tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 97) bà H thừa nhận có tham gia chơi hụi của bà N; nhưng cho rằng bà N không có giao tiền cho bà, cho rằng bà ký các giấy hụi là để cho qua chuyện vì sợ bề nợ mọi người biết (Bút lục 79). Nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà N không có giao tiền hụi cho bà. Tại các Biên bản lấy lời khai của đương sự (Bút lục 51, 50, 49, 48), bà Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Yến, Lê Hồng Hạnh, Võ Thị Ngọc xác định: có tham gia chơi chung dây hụi với bà H, có gặp bà H đi khai hụi, không chứng kiến việc giao nhận tiền hụi giữa bà N với bà H. Do đó, có cơ sở để xác định bà H có tham gia chơi hụi của bà N, có giao nhận tiền hụi với bà N. Bà H là hụi viên nhưng lại không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng tiền hụi đúng kỳ theo các kỳ hụi; bà N nói đã thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi là giao đủ tiền hụi cho bà H; hiện tại các dây hụi đã mất nhưng bà H vẫn chưa trả tiền cho bà N; cho nên yêu cầu kháng cáo của bà H không đồng ý trả tiền nợ hụi cho bà N là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Bà H cho rằng việc vay tiền và chơi hụi chỉ có một mình bà biết, ông T là chồng bà không có liên quan nên nay bà chỉ đồng ý một mình trả nợ cho bà N. Bị đơn ông T cho rằng không biết gì về việc vay tiền và chơi hụi của bà H, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Án sơ thẩm đã xử: buộc bà H và ông T có nghĩa vụ trả cho bà N tổng cộng 301.002.000 đồng; nhưng ông T không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không có kháng nghị; do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét đối với yêu cầu này của bà H.

Mặt khác, ông T và bà H hiện tại là vợ chồng hợp pháp, số nợ vay và nợ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ chung “do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu gia đình”, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T cùng có nghĩa vụ với bà H trả số nợ cho bà N là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bà H kháng cáo xin được trả dần, nhưng không được đại diện theo ủy quyền của bà N đồng ý. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bà H là không có cơ sở để chấp nhận, án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Toà án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà N tổng cộng 301.002.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn T phải chịu 15.050.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hồ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006900 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, nên xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã GC;
 - CCTHADS thị GC;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung